

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: KINH TẾ HỌC

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10034	Phan Đình Hải	My	11/10/1995	Bình Phước	6.5	5	11.5	XT ngoại ngữ	
2	10035	Trịnh Hà	Phương	21/03/1992	Thanh Hóa	5.5	5.75	11.5	XT ngoại ngữ	
3	10036	Nguyễn Thị	Thom	12/01/1994	Bình Định	5.5	7.5	13	XT ngoại ngữ	
4	10037	Nguyễn Khánh	Vương	13/01/1993	Tây Ninh	8.5	9.5	18	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 4 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10038	Nguyễn Tùng Quế	Anh	12/12/1988	TP.HCM	7	5.25	12.5	46	
2	10039	Trần Thị Thanh	Bình	25/12/1995	TP.HCM	7.5	8.5	16	84.5	
3	10040	Lê Tấn	Cường	20/11/1989	Vũng Tàu	7	6	13	61	
4	10041	Huỳnh Hoàng	Dũng	11/5/1988	Tây Ninh	6	5.5	11.5	54	
5	10042	Phan Ngọc Quỳnh	Đan	14/10/1992	Sông Bé	7	5	12	77.5	
6	10043	Nguyễn Thị	Hòa	02/01/1985	Đồng Nai	5	5	10	61.5	
7	10044	Nguyễn Thị	Hương	28/9/1991	Nghệ An	9	6	15	XT ngoại ngữ	
8	10045	Trần Anh	Kiệt	03/01/1989	TP.HCM	5	0	5	v	Đình chỉ thi
9	10046	Lê Phú	Lâm	27/7/1991	TP.HCM	5.5	6	11.5	58.5	
10	10047	Trương Phúc	Mai	29/8/1988	TP.HCM	8	5.25	13.5	60	
11	10048	Nguyễn Văn	Sao	18/12/1989	Thái Bình	5	5	10	48	
12	10049	Lê Quang	Thanh	05/12/1991	Gia Lai	6.5	5.75	12.5	XT ngoại ngữ	
13	10050	Vương Huyền	Trang	01/10/1989	Thanh Hóa	7	6.5	13.5	56.5	
14	10051	Phạm Ngọc	Uy	18/6/1979	Bình Dương	v	v	v	v	
15	10052	Nguyễn Tá Hà	Vy	23/11/1988	TP.HCM	6	5	11	51	
16	10053	Lê Thị Anh	Xuân	07/11/1992	Sông Bé	6.5	5.75	12.5	71	
17	10054	Thân Thị Hồng	Yến	12/01/1982	TP.HCM	7	6.25	13.5	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 17 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10027	Nguyễn Ngọc	Đức	22/9/1975	Hà Nội	5	5	10	XT ngoại ngữ	
2	10028	Võ Văn Đạt	Em	24/6/1987	Bến Tre	5	2.5	7.5	48	
3	10029	Trần Thị Bích	Hồng	02/01/1985	Đồng Nai	6.25	5.5	12	64.5	
4	10030	Võ Hồng	Khuân	15/02/1978	TP.HCM	5	5	10	XT ngoại ngữ	
5	10031	Nguyễn Hà	Tiên	27/8/1981	Thái Bình	v	v	v	v	
6	10032	Trần Quốc	Toàn	10/11/1984	Tây Ninh	6.75	5.5	12.5	52.5	
7	10033	Vòng Đình Tú	Trinh	19/8/1979	Khánh Hòa	5	5	10	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 7 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10056	Nguyễn Thị Thùy	Dung	16/01/1990	Đồng Nai	2	7.75	10	81.5	
2	10057	Nguyễn Hoàng	Giang	11/7/1991	Bình Định	1	3.25	4.5	XT ngoại ngữ	
3	10058	Trần Trung	Hậu	16/10/1988	Bến Tre	5	5.75	11	64.5	
4	10059	Nguyễn Minh	Lý	17/7/1987	Tiền Giang	v	v	v	v	
5	10060	Phan	Nguyễn	17/03/1991	Cần Thơ	7.5	6.5	14	85	
6	10061	Nguyễn Thị Ái	Nữ	01/11/1993	Bình Định	8	8	16	XT ngoại ngữ	
7	10062	Nguyễn Thị Tố	Oanh	28/10/1995	Bình Định	9	8.75	18	XT ngoại ngữ	
8	10063	Võ Thị Cẩm	Thu	18/03/1995	Bến Tre	9	8.5	17.5	XT ngoại ngữ	
9	10064	Quách Thị Bảo	Trân	22/10/1995	An Giang	7.5	6.75	14.5	XT ngoại ngữ	
10	10065	Nguyễn Đăng	Tú	01/01/1994	Đồng Nai	9	7.75	17	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 10 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10066	Đặng Thị Ngọc	An	10/7/1995	TP.HCM	v	v	v	v	
2	10067	Lê Tuấn	Anh	02/9/1994	Kiên Giang	6.5	6	12.5	XT ngoại ngữ	
3	10068	Ngô Thị Thùy	Dương	16/4/1993	Bạc Liêu	6	5	11	XT ngoại ngữ	
4	10069	Trần Quốc	Đạt	24/7/1991	Bình Thuận	7.5	6.5	14	72	
5	10070	Hồ Thị Thúy	Hằng	10/12/1992	Đồng Nai	5.5	5.25	11	51.5	
6	10071	Lê Thị Thanh	Hồng	20/10/1977	Lâm Đồng	6	5	11	38.5	
7	10072	Nguyễn Thị Thùy	Khanh	25/01/1977	An Giang	v	v	v	v	
8	10073	Nguyễn Bá Duy	Khánh	18/11/1991	TP.HCM	9	7	16	XT ngoại ngữ	
9	10074	Dương Thị Hoàng	Kim	12/9/1992	TP.HCM	10	6	16	72.5	
10	10075	Trần Thị Nhật	Lệ	20/5/1995	Hà Tĩnh	6	9	15	47	
11	10076	Nguyễn Đặng Trúc	Linh	01/03/1994	Lâm Đồng	v	v	v	v	
12	10077	Lê Thị Mỹ	Linh	26/10/1993	Bình Phước	7	5.5	12.5	73	
13	10078	Nguyễn Trí Đức Vỹ	Minh	19/5/1992	Vĩnh Long	7	5	12	74	
14	10079	Bùi Hoàng	Mol	10/11/1994	Bến Tre	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
15	10080	Nguyễn Công	Nhân	21/8/1993	Đồng Nai	6.5	5	11.5	44.5	
16	10081	Võ Huỳnh Yến	Nhi	22/12/1992	TP.HCM	8	6.75	15	75	
17	10082	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	01/6/1992	Bến Tre	5	5	10	67	
18	10083	Vũ Bảo	Phiên	31/10/1984	TP.HCM	6.5	6	12.5	62	
19	10084	Trần Liêu Thiên	Phúc	22/12/1995	TP.HCM	5	7.25	12.5	XT ngoại ngữ	
20	10085	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/9/1993	TP.HCM	8.5	8	16.5	XT ngoại ngữ	
21	10086	Đỗ Đình	Thái	07/03/1993	Bình Dương	6	5	11	61.5	
22	10087	Nguyễn Quang	Thắng	27/4/1991	Đồng Nai	9	7.25	16.5	60	
23	10088	Nguyễn Thị Minh	Trang	01/02/1990	Vĩnh Long	2	3.5	5.5	XT ngoại ngữ	
24	10089	Đoàn Nguyễn Tấn	Trung	27/10/1994	TP.HCM	v	v	v	v	
25	10090	Vũ Thị Thanh	Tuyền	01/11/1986	Thái Bình	7.5	7	14.5	56.5	
26	10091	Lương Kim	Tuyền	21/6/1992	TP.HCM	9	8.25	17.5	51	
27	10092	Mai Quang	Vinh	06/7/1990	Bến Tre	6.5	5.5	12	69.5	
28	10093	Nguyễn Anh	Vũ	28/10/1976	TP.HCM	8	8	16	54	

Danh sách có 28 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: KẾ TOÁN

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10001	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	14/10/1994	TP.HCM	9	8	17	XT ngoại ngữ	
2	10002	Phan Thị Ngọc	Ánh	01/8/1984	Hà Tĩnh	7	6.75	14	XT ngoại ngữ	
3	10003	Phạm Văn	Cư	09/5/1977	Nghệ An	3	1.5	4.5	42.5	
4	10004	Nguyễn Thị Kim	Duyên	20/4/1986	Long An	5	7.75	13	61	
5	10005	Trần Hoàng	Đạo	19/12/1972	TP.HCM	6.5	3	9.5	XT ngoại ngữ	
6	10006	Phan Thị Diệu	Hằng	07/6/1993	Quảng Bình	8.5	8.5	17	83.5	
7	10007	Đoàn Ngọc	Hiền	30/01/1991	Đồng Nai	6.5	7.5	14	51	
8	10008	Cao Thị Diệu	Hiền	18/01/1995	Đắk Lắk	9	6.5	15.5	77	
9	10009	Vũ Thị	Hiền	07/8/1988	Thái Bình	7	1.5	8.5	v	
10	10010	Nguyễn Thị	Hoa	22/11/1991	Hà Tĩnh	9	8.25	17.5	59.5	
11	10011	Nguyễn Ánh	Hồng	28/11/1966	Đắk Lắk	5.5	6.25	12	XT ngoại ngữ	
12	10012	Phạm Thị Ái	Linh	29/10/1988	Bến Tre	8.5	8.25	17	72.5	
13	10013	Võ Thị	Luận	21/10/1977	Quảng Ngãi	6	7	13	51.5	
14	10014	Hoàng Thụy Thảo	Nguyên	20/10/1989	TP.HCM	v	v	v	XT ngoại ngữ	
15	10015	Nguyễn Văn	Nhân	30/01/1986	Quảng Trị	5.5	3.25	9	33	
16	10016	Lê Hồng	Nhung	21/4/1994	Bình Thuận	9	8	17	XT ngoại ngữ	
17	10017	Ngô Thị	Phiếm	24/4/1986	Ninh Thuận	5	4.75	10	v	
18	10018	Nguyễn Thị Thu	Phương	19/8/1993	Quảng Ninh	9	8	17	65.5	
19	10019	Hồ Thị Uyên	Phương	27/01/1986	Đắk Lắk	7.5	8.25	16	62	
20	10020	Vũ Đức	Quang	18/4/1990	TP.HCM	9	5	14	XT ngoại ngữ	
21	10021	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/01/1994	Gia Lai	10	8	18	66	
22	10022	Đinh Văn	Thọ	23/03/1985	Ninh Bình	7	7.5	14.5	59	
23	10023	Võ Ngọc Anh	Thư	25/6/1995	Tiền Giang	10	9	19	XT ngoại ngữ	
24	10024	Võ Minh	Triết	11/8/1980	Bến Tre	9	8.5	17.5	69	
25	10025	Phạm Đức	Vinh	13/01/1994	TP.HCM	6	5.25	11.5	59.5	
26	10026	Phạm Bảo	Vy	15/10/1995	Tiền Giang	6.5	5.5	12	XT ngoại ngữ	
27	10325	Võ Quốc	Bảo	07/08/1984	TP.HCM	1	5	6	86.5	

Danh sách có 27 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10135	Nguyễn Thị Ngọc	An	21/10/1989	Bắc Ninh	4	5	9	60.5	
2	10136	Đặng Nguyên Kim	An	24/01/1989	Biên Hòa	5	5	10	68.5	
3	10137	Trần Đức	Anh	30/4/1986	Nghệ An	5	6	11	XT ngoại ngữ	
4	10138	Danh Thị Kim	Ánh	11/10/1989	Kiên Giang	6	5	11	68.5	
5	10139	Trần Thị Hồng	Ánh	20/7/1989	Lâm Đồng	2.5	5	7.5	56.5	
6	10140	Nguyễn Đức	Bình	09/7/1994	Thái Bình	7.5	7	14.5	XT ngoại ngữ	
7	10141	Võ Thành	Boan	11/12/1980	Tiền Giang	6.5	5.5	12	XT ngoại ngữ	
8	10142	Nguyễn Văn	Cầm	28/5/1991	Đắk Nông	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
9	10143	Hoàng Kim Minh	Châu	20/5/1984	Quảng Trị	v	v	v	v	
10	10144	Vũ Văn	Cường	05/5/1995	Quảng Ngãi	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
11	10145	Huỳnh Lý Thúy	Diễm	30/4/1989	Trà Vinh	7.5	5.5	13	65	
12	10146	Nguyễn Thị	Dung	18/01/1985	Quảng Ninh	5	5.5	10.5	53.5	
13	10147	Phạm Quang	Duy	24/7/1995	Lâm Đồng	5.5	5.5	11	XT ngoại ngữ	
14	10148	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	07/6/1990	Tiền Giang	v	v	v	v	
15	10149	Bích Văn	Đạo	30/12/1990	Bình Thuận	5.5	4.5	10	41.5	
16	10150	Lê Thành	Đạt	11/5/1994	Bình Phước	6.5	3.5	10	XT ngoại ngữ	
17	10151	Nguyễn Hà	Giang	24/10/1995	Nghệ An	9	7	16	XT ngoại ngữ	
18	10152	Nguyễn Hương	Giang	28/01/1981	Hà Nội	v	v	v	XT ngoại ngữ	
19	10153	Phan Thị Ngọc	Hà	08/9/1988	Nam Định	v	v	v	v	
20	10154	Võ Ngọc Thiên	Hào	21/5/1994	Quảng Nam	5.5	5.5	11	51.5	
21	10155	Đặng Thị Lệ	Hằng	21/02/1982	Đắk Lắk	6.5	6	12.5	61	
22	10156	Châu Ngọc	Hân	09/01/1989	Bình Định	7	5.5	12.5	64	
23	10157	Kha Khải	Hòa	02/7/1989	Lâm Đồng	v	v	v	v	
24	10158	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	17/11/1982	Long An	5	v	5	v	
25	10159	Lê Đình	Huy	23/11/1983	TP.HCM	4	5	9	XT ngoại ngữ	
26	10160	Lê Đặng Thu	Hương	04/9/1978	Bình Định	5	5.5	10.5	XT ngoại ngữ	
27	10161	Nguyễn Thị Xuân	Hương	12/01/1985	Lâm Đồng	5	8.5	13.5	XT ngoại ngữ	
28	10162	Mã Văn	Khanh	20/02/1975	Huế	5	3.5	8.5	XT ngoại ngữ	
29	10163	Phạm Thị	Lam	06/6/1994	Nghệ An	7	5	12	XT ngoại ngữ	
30	10164	Nguyễn Khánh	Linh	19/5/1973	Hà Nội	6.5	6.5	13	50	
31	10165	Trần Thị Mai	Loan	09/10/1990	Đồng Nai	9.5	7	16.5	XT ngoại ngữ	
32	10166	Nguyễn Tiến	Long	04/5/1990	Hải Dương	v	v	v	v	
33	10167	Huỳnh Xuân	Mai	02/01/1995	Long An	4	7	11	53	
34	10168	Nguyễn Hữu	Mạnh	03/9/1986	Bắc Ninh	6	6.5	12.5	59	
35	10169	Huỳnh	Mẫn	20/10/1975	Quảng Ngãi	8	5.5	13.5	XT ngoại ngữ	
36	10170	Đỗ Văn	Minh	01/11/1972	Thái Bình	5	5	10	XT ngoại ngữ	
37	10171	Lương Kim	Mơ	10/01/1989	TP.HCM	v	v	v	v	

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
38	10172	Trần Dịu	My	23/02/1993	Bình Định	5.5	6	11.5	76.5	
39	10173	Nguyễn Ngọc	Nam	20/8/1991	Lienbang Nga	7	6.5	13.5	XT ngoại ngữ	
40	10174	Lê Thị Ngọc	Ngà	09/6/1993	Bình Định	6.5	6.5	13	58.5	
41	10175	Trần Đức	Ngọc	08/11/1989	Nghệ An	v	v	v	XT ngoại ngữ	
42	10176	Đinh Cao	Nguyên	29/01/1985	TP.HCM	7	7	14	XT ngoại ngữ	
43	10177	Nguyễn Thị	Nguyên	10/03/1983	Đồng Nai	v	v	v	v	
44	10178	Cao Thảo	Nguyên	04/01/1994	Bình Định	9	6.5	15.5	XT ngoại ngữ	
45	10179	Huỳnh	Như	24/10/1995	Đồng Tháp	7	6.5	13.5	XT ngoại ngữ	
46	10180	Nhan Thị Huỳnh	Như	13/6/1996	Sóc Trăng	6	6	12	61	
47	10181	Nguyễn Trường	Phật	01/03/1979	Bình Định	7.5	7	14.5	XT ngoại ngữ	
48	10182	Nguyễn Thị Hợp	Phổ	01/7/1989	TP.HCM	4	5	9	85	
49	10183	Trần Thị Hồng	Phúc	28/9/1992	TP.HCM	5	5	10	63.5	
50	10184	Nguyễn Thị Lan	Phương	07/03/1985	Bình Dương	7	5	12	XT ngoại ngữ	
51	10185	Nguyễn Gia Kỳ	Phương	27/8/1994	TP.HCM	7	8	15	83.5	
52	10186	Mai Như	Phương	18/5/1985	TP.HCM	5	7	12	XT ngoại ngữ	
53	10187	Lê Thị Minh	Phượng	10/9/1995	Nghệ An	8	5.5	13.5	XT ngoại ngữ	
54	10188	An Thái	Phượng	20/01/1992	Thanh Hóa	8	7.5	15.5	78	
55	10189	Lê Ngọc Tú	Quyên	06/5/1991	Khánh Hòa	5	8	13	XT ngoại ngữ	
56	10190	Ngô Thanh	Sang	28/01/1993	Bà Rịa - Vũng	6.5	5.5	12	XT ngoại ngữ	
57	10191	Đặng Thị Thu	Sương	12/12/1982	Bình Định	v	v	v	v	
58	10192	Nguyễn Minh	Tài	14/6/1984	Đồng Nai	6	5	11	34	
59	10193	Lê Thị	Tâm	15/5/1990	Thanh Hóa	9	6	15	XT ngoại ngữ	
60	10194	Nguyễn Trọng	Tấn	11/12/1995	Vũng Tàu	5.5	5.5	11	66	
61	10195	Phạm Xuân	Thanh	24/5/1991	TP.HCM	5	4.5	9.5	55.5	
62	10197	Nguyễn Quỳnh Phương	Thảo	12/4/1995	Quảng Trị	6.5	3	9.5	XT ngoại ngữ	
63	10198	Trần Ngọc	Thảo	08/03/1995	TP.HCM	5.5	3.5	9	XT ngoại ngữ	
64	10199	Nguyễn Thị Võ	Thiên	25/6/1992	Quảng Ngãi	6	6	12	74.5	
65	10200	Nguyễn Thị	Thoa	25/7/1977	Phú Thọ	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
66	10201	Trương Hoàng	Thông	31/5/1992	Tiền Giang	v	v	v	v	
67	10202	Nguyễn Hữu	Thống	06/02/1972	Gia Định	7	5.5	12.5	71	
68	10203	Trần Thị Kiều	Thu	20/02/1993	Tây Ninh	5	6	11	XT ngoại ngữ	
69	10204	Lê Minh	Thuần	11/8/1984	Long An	5	4	9	37.5	
70	10205	Hà Phương Thanh	Thủy	09/4/1995	TP.HCM	5.5	6	11.5	XT ngoại ngữ	
71	10206	Nguyễn Lê Như	Thủy	20/12/1982	TP.HCM	5.5	6	11.5	68.5	
72	10207	Lại Thị Thu	Thủy	11/10/1978	Kiên Giang	6.5	6	12.5	65.5	
73	10208	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	15/8/1994	TP.HCM	5.5	5.5	11	XT ngoại ngữ	
74	10209	Phạm Thị Hoài	Thương	07/11/1995	Bình Dương	6.5	6	12.5	XT ngoại ngữ	
75	10210	Đinh Thị Thanh	Trang	09/11/1973	TP.HCM	5	5	10	XT ngoại ngữ	
76	10211	Trần Thị Bạch	Trinh	01/7/1995	Quảng Ngãi	6.5	6.5	13	XT ngoại ngữ	
77	10212	Võ Thành	Trung	02/8/1993	Đồng Nai	3.5	5.5	9	XT ngoại ngữ	
78	10213	Huỳnh Thành	Trung	07/01/1995	TP.HCM	6.5	8	14.5	XT ngoại ngữ	
79	10214	Nguyễn Thành	Trung	20/9/1992	Bình Định	5	5.5	10.5	73.5	
80	10215	Trần Đặng Thanh	Trúc	29/10/1993	TP.HCM	3.5	3.5	7	59	
81	10216	Thái Minh	Tuấn	04/10/1984	TP.HCM	4	3.5	7.5	52.5	



B

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
82	10217	Nguyễn Minh	Tuấn	06/01/1993	Thừa Thiên -	6.5	5	11.5	63.5	
83	10218	Lương Đình	Tuệ	09/4/1983	Thanh Hóa	9	6.5	15.5	XT ngoại ngữ	
84	10219	Huỳnh Thị Ánh	Vân	1984	Tiền Giang	6.5	5.5	12	81.5	
85	10220	Đỗ Thị Thùy	Vân	10/03/1988	Bến Tre	5	6	11	XT ngoại ngữ	
86	10221	Lê Tiến	Viên	19/4/1995	Nghệ An	4	5	9	XT ngoại ngữ	
87	10222	Nguyễn Đoàn Thị	Xuân	01/01/1995	Đồng Nai	7	5.5	12.5	63	
88	10223	Phạm Thị Thảo	Xuyên	06/12/1993	Tiền Giang	7	5.5	12.5	XT ngoại ngữ	
89	10326	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/1989	Bình Định	5	5.5	10.5	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 89 thí sinh

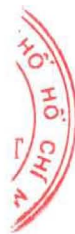
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh



KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10094	Phạm Việt	Anh	19/12/1992	Hà Nam	8.5	7	15.5	XT ngoại ngữ	
2	10095	Bùi Bài	Bình	08/12/1994	Phú Yên	v	v	v	v	
3	10096	Lê Ngọc	Bích	16/6/1996	TP.HCM	7.5	7.5	15	XT ngoại ngữ	
4	10097	Trần Cao	Cảnh	07/10/1992	Bình Thuận	6.5	5	11.5	XT ngoại ngữ	
5	10098	Nguyễn Minh	Chánh	08/10/1982	TP.HCM	7.5	8	15.5	XT ngoại ngữ	
6	10099	Nguyễn Thị Trân	Châu	19/01/1995	Lâm Đồng	10	9.5	19.5	XT ngoại ngữ	
7	10100	Nguyễn Minh	Chiêu	01/7/1991	Bến Tre	8	6.75	15	XT ngoại ngữ	
8	10101	Võ Thị Thu	Cúc	20/12/1993	Long An	6.5	6.25	13	XT ngoại ngữ	
9	10102	Nguyễn Tuấn	Cương	01/01/1980	An Giang	7.5	7	14.5	69	
10	10103	Trương Văn	Cường	13/02/1990	Quảng Nam	7	8	15	57.5	
11	10104	Dương Ngọc	Dịu	01/4/1994	TP.HCM	8	5	13	48	
12	10105	Bùi Thị Kim	Duyên	26/12/1994	Gia Lai	9	7.25	16.5	XT ngoại ngữ	
13	10106	Võ Thúy	Linh	11/09/1985	Cà Mau	2.5	0.5	3	XT ngoại ngữ	
14	10107	Lê Hữu	Đại	15/11/1986	Quảng Ngãi	8.5	7.75	16.5	XT ngoại ngữ	
15	10108	Văn Minh	Đại	30/11/1990	TP.HCM	3.5	2.5	6	69	
16	10109	Nguyễn Minh	Đức	29/01/1989	Vĩnh Long	7	6.5	13.5	XT ngoại ngữ	
17	10110	Văn Đức Sơn	Hà	06/9/1986	Đắk Lắk	8	7.75	16	81.5	
18	10111	Võ Ngọc	Hằng	16/12/1990	Tiền Giang	8	5	13	60.5	
19	10112	Hồ Đăng	Khoa	25/01/1994	Trà Vinh	9	7.5	16.5	XT ngoại ngữ	
20	10113	Phạm Thị Ngọc	Lan	11/11/1989	Bình Định	7.5	8.5	16	69.5	
21	10114	Bùi Minh	Lâm	28/4/1987	Đà Nẵng	v	v	v	v	
22	10115	Lâm Hồng Trà	My	07/5/1992	TP.HCM	7	5.5	12.5	XT ngoại ngữ	
23	10116	Trần Thành	Nam	26/9/1991	Khánh Hòa	9.5	10	19.5	61.5	
24	10117	Nguyễn Trọng	Nam	28/03/1986	Đồng Nai	7	6	13	XT ngoại ngữ	
25	10118	Trần Bảo	Ngọc	12/01/1995	Bình Định	8	6.5	14.5	67	
26	10119	Trần Thanh	Nhân	29/8/1995	TP.HCM	5	7.25	12.5	55.5	
27	10120	Trần Sa	Nhân	22/5/1993	Quảng Ngãi	9	8	17	83.5	
28	10121	Phạm Thị Quỳnh	Như	26/01/1979	TP.HCM	8	6	14	63	
29	10122	Nguyễn Mỹ	Phương	13/6/1984	TP.HCM	7	5.5	12.5	63	
30	10123	Lê Thị	Phượng	05/10/1995	Vũng Tàu	6	5	11	XT ngoại ngữ	
31	10124	Phan Ngọc	Quân	24/7/1978	TP.HCM	6.5	7.25	14	XT ngoại ngữ	
32	10125	Nguyễn Thái	Thành	20/4/1993	Phú Yên	8	5.5	13.5	50	
33	10126	Lôi Minh	Thắng	11/10/1989	TP.HCM	7	5	12	78	
34	10127	Phạm Xuân	Thắng	24/4/1977	Phú Yên	5	5	10	XT ngoại ngữ	
35	10128	Lê Thị Anh	Thư	21/7/1995	TP.HCM	6.5	7	13.5	XT ngoại ngữ	
36	10129	Mai Hữu	Trị	20/7/1995	Đồng Nai	8	6.5	14.5	XT ngoại ngữ	
37	10130	Phạm Điền	Trung	27/6/1978	An Giang	v	v	v	v	

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
38	10131	Tôn Thanh	Tùng	03/01/1986	TP.HCM	6	5	11	69	
39	10132	Nguyễn Hoàng	Vũ	18/03/1995	Đắk Lắk	v	v	v	XT ngoại ngữ	
40	10133	Vy Văn	Vững	07/02/1990	Lạng Sơn	7	7.5	14.5	47	
41	10134	Nguyễn Thị	Xuyến	07/02/1985	Hà Nam	7	8.5	15.5	59.5	
42	10324	Trần Thị Kim	Nhớ	13/02/1996	Long An	7	5	12	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 42 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

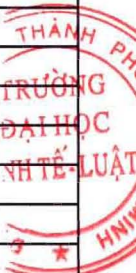
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh



KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC CAO HỌC NĂM 2018
NGÀNH: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
1	10224	Huỳnh Thị Thủy	An	16/9/1995	Đắk Lắk	v	v	v	XT ngoại ngữ	
2	10225	Huỳnh Trần Đức	Anh	28/8/1992	TP.HCM	3.5	5.5	9	72.5	
3	10226	Hồ Xuân	Anh	12/8/1977	TP.HCM	6	5.5	11.5	69	
4	10227	Lâm Văn	Anh	06/11/1988	TP.HCM	8.5	7	15.5	XT ngoại ngữ	
5	10228	Nguyễn Thị Thuận	Ánh	18/01/1988	Đồng Nai	2	v	2	v	
6	10229	Nguyễn Hải	Biển	21/02/1991	Yên Bái	7	6.5	13.5	58	
7	10230	Lê Thị Thiên	Châu	05/9/1991	Đồng Tháp	5	5	10	54	
8	10231	Trương Thành	Công	10/02/1979	TP.HCM	6.5	5.5	12	62.5	
9	10232	Đoàn Thị Thu	Cúc	31/5/1990	Đồng Nai	6	5.5	11.5	58	
10	10233	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	28/9/1991	TP.HCM	7.5	5	12.5	72	
11	10234	Lê Thị Thanh	Dung	23/9/1981	TP.HCM	4.5	1.5	6	52.5	
12	10235	Nguyễn Quốc	Đặng	16/5/1973	TP.HCM	6.5	5	11.5	65.5	
13	10236	Tô Văn	Đặng	06/03/1992	An Giang	5.5	5	10.5	52.5	
14	10237	Trần Văn	Điệp	21/02/1978	Thanh Hóa	6.5	6	12.5	53.5	
15	10238	Nguyễn Thế	Điệp	01/10/1987	Ninh Bình	2.5	5	7.5	15	
16	10239	Lê	Đông	26/5/1991	Hải Dương	5	5.5	10.5	58	
17	10240	Nguyễn Văn	Đù	21/11/1982	TP.HCM	v	v	v	XT ngoại ngữ	
18	10241	Phạm Thị Lệ	Hà	10/02/1987	Quảng Bình	7	5.5	12.5	56.5	
19	10242	Nguyễn Thị Phụng	Hằng	17/4/1993	Bà Rịa - Vũng	8	6.5	14.5	70.5	
20	10243	Phạm Thị Thanh	Hiền	06/11/1993	Đắk Lắk	7	6	13	XT ngoại ngữ	
21	10244	Lê Thị	Hiền	19/5/1995	Thanh Hóa	v	v	v	v	
22	10245	Nguyễn Phụng	Hiếu	12/10/1989	Đắk Lắk	6	5.5	11.5	51	
23	10246	Nguyễn Hoàng Trung	Hiếu	28/02/1979	Đồng Nai	4.5	6	10.5	XT ngoại ngữ	
24	10247	Lê Thị Hồng	Hiếu	07/8/1990	Thanh Hóa	8.5	8	16.5	XT ngoại ngữ	
25	10248	Vũ Thế	Hiệp	22/03/1972	TP.HCM	3.5	5	8.5	56	
26	10249	Vũ Thái	Hoàng	27/02/1985	Đồng Nai	0.5	v	0.5	XT ngoại ngữ	
27	10250	Nguyễn An	Hòa	30/9/1986	Khánh Hòa	3	5.5	8.5	53.5	
28	10251	Trần Quang	Huy	23/5/1985	TP.HCM	6	3.5	9.5	62.5	
29	10252	Vũ Thị Thu	Huyền	24/01/1994	Quảng Ninh	8.5	5	13.5	66	
30	10253	Mai Văn	Hướng	20/10/1978	Thanh Hóa	6.5	5	11.5	XT ngoại ngữ	
31	10254	Nguyễn Hoàng Tuyết	Khanh	24/12/1994	TP.HCM	5	6.5	11.5	XT ngoại ngữ	
32	10255	Nguyễn Lê Thanh	Khoa	20/03/1978	Ninh Thuận	4.5	5	9.5	50	
33	10256	Nguyễn Mạnh	Khôi	11/6/1991	TP.HCM	6.5	5.5	12	74.5	
34	10257	Đặng Quốc	Khởi	1968	Bạc Liêu	v	v	v	XT ngoại ngữ	
35	10258	Phạm Trung	Kiên	23/6/1982	Thái Bình	5	5.5	10.5	42.5	
36	10259	Trần Trung	Kiên	03/01/1991	TP.HCM	5	5	10	63.5	
37	10260	Hồ Chí	Lil	16/03/1992	Cà Mau	v	v	v	XT ngoại ngữ	
38	10261	Tạ Duy	Linh	12/6/1979	TP.HCM	v	v	v	XT ngoại ngữ	
39	10262	Trần Khánh	Linh	14/02/1980	TP.HCM	v	v	v	v	
40	10263	Nguyễn Phương	Loan	17/01/1984	Hà Nội	v	v	v	XT ngoại ngữ	
41	10264	Bùi Hoàng	Long	17/03/1978	Cà Mau	1.5	5	6.5	XT ngoại ngữ	

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
42	10265	Phạm Nguyễn Kim	Long	15/10/1988	TP.HCM	6	6	12	62	
43	10266	Phạm Xuân	Lộc	14/10/1995	Đà Lạt	5	5.5	10.5	61.5	
44	10267	Lê Thị Ngọc	Ly	22/02/1990	Nam Định	6.5	6	12.5	XT ngoại ngữ	
45	10268	Nguyễn Ngọc	Mai	20/11/1976	Bình Dương	6.5	6	12.5	75	
46	10269	Trần Thị Tuyết	Mai	22/6/1990	Thanh Hóa	7.5	7	14.5	57.5	
47	10270	Lê Bạch	Mai	31/7/1976	Đồng Nai	v	v	v	v	
48	10271	Trần Văn	Mười	02/9/1969	Vĩnh Long	v	v	v	XT ngoại ngữ	
49	10272	Văn Thị Ngọc	Mỹ	21/5/1989	Gia Lai	6	6.5	12.5	56.5	
50	10273	Lê Quốc	Nam	25/10/1983	Bến Tre	v	v	v	XT ngoại ngữ	
51	10274	Hoàng Kim	Ngọc	16/6/1986	TP.HCM	4.5	5.5	10	XT ngoại ngữ	
52	10275	Võ Lâm Thảo	Nguyên	12/01/1994	Tây Ninh	4	6	10	XT ngoại ngữ	
53	10277	Phùng Thị Ánh	Nguyệt	08/8/1994	Vĩnh Long	2	5	7	43.5	
54	10278	Nguyễn Hồng	Nhân	10/02/1987	Đồng Tháp	7	6.5	13.5	58	
55	10279	Nguyễn An	Nhân	11/9/1983	Đồng Nai	7	6	13	82	
56	10280	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	26/01/1994	Long An	7	5	12	XT ngoại ngữ	
57	10281	Trương Yến	Nhi	03/7/1995	TP.HCM	8	8	16	XT ngoại ngữ	
58	10282	Cao Thị Cẩm	Nhung	16/8/1985	TP.HCM	3.5	4	7.5	XT ngoại ngữ	
59	10283	Ngô Chánh	Nhung	08/4/1975	TP.HCM	8	5.5	13.5	58	
60	10284	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	24/8/1970	Thừa Thiên H	8.5	6	14.5	XT ngoại ngữ	
61	10285	Phạm Thị Huỳnh	Như	15/02/1992	Long An	6.5	5.5	12	67.5	
62	10286	Lê Hoài	Ninh	30/5/1988	Quảng Nam	6.5	3.5	10	54	
63	10287	Hồ Ngọc Hoàng	Phi	28/6/1988	TP.HCM	5	5.5	10.5	63.5	
64	10288	Nguyễn Thị Trúc	Phương	11/9/1992	Tây Ninh	2	5	7	34	
65	10289	Nguyễn Lê Trúc	Phương	22/5/1995	Khánh Hòa	6	5	11	XT ngoại ngữ	
66	10290	Dương Diễm	Phượng	12/01/1987	TP.HCM	7.5	6.5	14	60.5	
67	10291	Trần Phúc	Sinh	20/7/1991	Phú Yên	4	5	9	53	
68	10293	Nguyễn Tuấn	Son	19/02/1987	Ninh Bình	8	5.5	13.5	58	
69	10294	Nguyễn Thành	Son	20/10/1979	Quảng Nam	3.5	4.5	8	44.5	
70	10295	Đình Trung	Tấn	13/5/1990	Quảng Bình	6.5	5.5	12	XT ngoại ngữ	
71	10296	Nguyễn Xuân	Thanh	14/03/1980	Khánh Hòa	5.5	5	10.5	XT ngoại ngữ	
72	10297	Võ Quang	Thạnh	25/02/1994	Thừa Thiên H	v	v	v	v	
73	10298	Nguyễn Đăng Minh	Thắng	13/03/1994	TP.HCM	v	v	v	v	
74	10299	Võ Toàn	Thắng	30/01/1985	TP.HCM	5	4	9	57.5	
75	10300	Nguyễn Hữu	Thiện	22/12/1964	TP.HCM	5.5	3.5	9	XT ngoại ngữ	
76	10301	Đàm Văn	Thiện	01/03/1992	TP.HCM	6	5.5	11.5	52	
77	10302	Nguyễn Thị	Thu	15/7/1987	Vĩnh Long	0	v	v	v	Đình chỉ thi
78	10304	Nguyễn Trần Anh	Thư	30/03/1995	Tây Ninh	6	5	11	XT ngoại ngữ	
79	10305	Lê Thị Thanh	Tịnh	14/5/1985	Quy Nhơn	7	5.5	12.5	59.5	
80	10306	Lê Thị Bảo	Toàn	10/10/1974	Quảng Ngãi	3.5	5	8.5	XT ngoại ngữ	
81	10307	Huỳnh Ngọc	Trí	19/5/1985	Sóc Trăng	v	v	v	XT ngoại ngữ	
82	10308	Huỳnh Trọng	Trí	01/8/1982	Hậu Giang	4	v	4	v	
83	10309	Nguyễn Hoàng	Trung	08/7/1992	Nghệ An	6	5	11	55.5	
84	10310	Nguyễn Thành	Trung	07/11/1981	TP.HCM	4.5	3.5	8	34	
85	10311	Trần Tấn	Trường	05/5/1992	Long An	v	v	v	v	
86	10312	Nguyễn Thị	Trường	06/5/1992	Hà Tĩnh	5	7	12	55.5	
87	10313	Trần Thanh	Tuấn	04/6/1989	TP.HCM	5	5	10	55.5	
88	10314	Huỳnh Thanh	Tuấn	02/12/1977	Bình Dương	5	3.5	8.5	44.5	



Handwritten signature or mark in blue ink.

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
						Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	
89	10315	Trần Thị Ánh	Tuyết	28/4/1994	TP.HCM	6.5	7	13.5	58	
90	10316	Đinh Thị Bạch	Tuyết	15/12/1979	TP.HCM	5	3	8	XT ngoại ngữ	
91	10317	Nguyễn Đình	Tường	19/9/1958	TP.HCM	3.5	2.5	6	53.5	
92	10318	Trần Xuân	Vũ	25/6/1993	Bình Thuận	5.5	5.5	11	89.5	
93	10319	Lê Hùng	Vượng	04/8/1981	Quảng Trị	6	7	13	XT ngoại ngữ	
94	10320	Phạm Nguyễn Thanh	Vy	08/9/1990	TP.HCM	6	5	11	60	
95	10321	Hồ Võ Thanh	Vy	12/02/1989	TP.HCM	7	6	13	75	
96	10322	Phạm Thị Kim	Yến	16/10/1993	Tây Ninh	5.5	4	9.5	54.5	
97	10323	Nguyễn Ngọc	Yến	28/9/1990	Đắk Lắk	6.5	5	11.5	51	
98	10327	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	04/01/1991	Quảng Ninh	v	v	v	v	
99	10328	Nguyễn Tuấn	Quang	20/01/1975	Bình Định	4	5	9	55	
100	10329	Bùi Thị	Thu	02/01/1988	Thanh Hóa	8	7.5	15.5	58	
101	10330	Nguyễn Đức	Tuấn	06/01/1974	Hà Tĩnh	v	v	v	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 101 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ TUYỂN SINH BẠC NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2018

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điểm BV đề cương	Ghi chú
1	Phạm Thị Bích	Ngân	07/6/1981	Nam Định	(KTCT) Kinh tế chính trị	77	
2	Huỳnh Kim	Thừa	30/6/1985	Vĩnh Long	(KTCT) Kinh tế chính trị	76	
3	Phạm Thanh	Vân	08/6/1991	Đắk Lắk	(KTCT) Kinh tế chính trị	75.5	
4	Nguyễn Kim Huy	Bằng	25/02/1991	Tiền Giang	(KTH) Kinh tế học	65	
5	Phan Tấn	Dầu	01/11/1984	Quảng Ngãi	(KTH) Kinh tế học	48.5	
6	Trần Bằng	Dương	09/4/1982	Trà Vinh	(KTH) Kinh tế học	67.5	
7	Nguyễn Trần Yên	Hạ	01/6/1990	Tiền Giang	(KTH) Kinh tế học	61.5	
8	Mai Quang	Hợp	21/02/1988	Nam Định	(KTH) Kinh tế học	83	
9	Võ Thế	Sinh	10/03/1971	Quảng Ngãi	(KTH) Kinh tế học	46.5	
10	Trần Minh	Son	1971	TP.HCM	(KTH) Kinh tế học	62.5	
11	Nguyễn Châu	Thoại	15/03/1974	Lâm Đồng	(KTH) Kinh tế học	68	
12	Lê Thị Bích	Chi	20/9/1982	Bình Định	(LKT) Luật kinh tế	60.5	
13	Lê Văn	Dũng	10/03/1979	Bình Định	(LKT) Luật kinh tế	48.5	
14	Phạm Thanh	Hải	24/10/1973	Nam Định	(LKT) Luật kinh tế	51	
15	Trần Công	Lập	01/8/1967	An Giang	(LKT) Luật kinh tế	60	
16	Nguyễn Vương	Quốc	30/03/1990	Cần Thơ	(LKT) Luật kinh tế	54	
17	Cao Thanh	Son	13/7/1963	An Giang	(LKT) Luật kinh tế	68.5	
18	Nguyễn Trường	Thọ	15/9/1975	An Giang	(LKT) Luật kinh tế	46	
19	Phan Hồng	Việt	05/9/1968	Bình Dương	(LKT) Luật kinh tế	51	
20	Trần Phú	Vinh	20/02/1971	Hải Phòng	(LKT) Luật kinh tế	76	
21	Nguyễn Thị Hải	Bình	10/4/1978	Quảng Ngãi	(QTKD) Quản trị kinh doanh	48.5	
22	Nguyễn Thị Thanh	Bình	27/8/1986	Đồng Nai	(QTKD) Quản trị kinh doanh	64	
23	Phan Quang	Dũng	12/12/1988	Đắk Lắk	(QTKD) Quản trị kinh doanh	84	
24	Trần Phan Đoàn	Khánh	14/03/1987	Tiền Giang	(QTKD) Quản trị kinh doanh	83	
25	Lê Tấn	Phước	07/7/1973	TP.HCM	(QTKD) Quản trị kinh doanh	81.5	



KL

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điểm BV đề cương	Ghi chú
26	Lưu Đức	Thịnh	28/02/1971	Khánh Hòa	(QTKD) Quản trị kinh doanh	v	
27	Lê Cát	Vi	07/9/1991	Huế	(QTKD) Quản trị kinh doanh	89.5	
28	Nguyễn Thị	Phụng	15/01/1977	Tây Ninh	(QTKD) Quản trị kinh doanh	46.5	
29	Phạm Thị Kim	Ánh	11/01/1984	TP.HCM	(TCNH) Tài chính – Ngân hàng	v	
30	Võ Thị	Phương	27/02/1990	Gia Lai	(TCNH) Tài chính – Ngân hàng	79	
31	Pham Huy	Tâm	29/11/1989	Hà Nội	(TCNH) Tài chính – Ngân hàng	68.5	

Danh sách có 31 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Hoàng Công Gia Khánh

